

Bản án số: 451/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 19 - 7 - 2024

“*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lý Khắc Chung;

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Yến - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 314/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; Trú tại: Tổ D, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện nay số 319/9, khóm X, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. (Xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hồ Hữu H, sinh năm 1976; Trú tại: Tổ D, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2024 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Hồ Hữu H do mai mối và tự nguyện chung sống với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang

năm 2008. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, vợ chồng cãi vã nhau, ông H thường hay uống rượu về dùng vũ lực đánh đập chửi mắng bà, không quan tâm chia sẻ trong chăm lo cho cuộc sống gia đình, có lần bà đi nuôi mẹ chồng bệnh về thì ông H khoá cửa không cho bà vô nhà, nên bà ra đi và vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 đến nay, trong thời gian ly thân ông H chỉ một lần liên lạc với bà và cho đến nay không còn liên lạc nhau nữa. Vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nên bà N xin ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà N và ông H chung sống có 01 con chung tên Hồ Thị Mỹ H1, sinh ngày 14/10/2007 hiện con chung đang ở với ông H, ly hôn bà N đồng ý giao cháu H1 cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Hồ Hữu H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông H vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H.

Tại phiên tòa:

Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thấy rằng hôn nhân của bà N và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà N yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà N và ông H chung sống có 01 con chung tên Hồ Thị Mỹ H1, sinh ngày 14/10/2007 hiện con chung đang ở với ông H, ly hôn bà N đồng ý giao cháu H1 cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét, cháu H1 đang ở với ông H ổn định và bà N đồng ý giao cháu H1 cho ông H được nuôi dưỡng nên đề nghị giao cháu H1 cho ông H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà N không cấp dưỡng nuôi con chung và ông H không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông **Hồ Hữu H** thường trú tại **xã K, huyện C**. Bà **N** khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà **N** và ông **H** do mai mối, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **K, huyện C, tỉnh An Giang** vào năm 2008 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, vợ chồng cãi vã nhau, ông **H** thường hay uống rượu về dùng vũ lực đánh đập chửi mắng bà, không quan tâm chia sẻ trong chăm lo cho cuộc sống gia đình, có lần bà đi nuôi mẹ chồng bệnh về thì ông **H** khoá cửa không cho bà vô nhà, nên bà ra đi và vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 đến nay, trong thời gian ly thân ông **H** chỉ một lần liên lạc với bà và cho đến nay không còn liên lạc nhau nữa. Vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nên bà **N** xin ly hôn với ông **H**. Xét, **N** và ông **H** phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân một thời gian khá dài là từ năm 2011 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng đã không tự hàn gắn được, bà **N** không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, Tòa án đã tiến hành hoà giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành do ông **H** đều vắng mặt và bà **N** kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa bà **N** và ông **H** đã không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, ly thân năm 2011 đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **N**.

Về con chung: Bà **N** và ông **H** chung sống có 01 con chung tên **Hồ Thị Mỹ H1**, sinh ngày 14/10/2007 hiện con chung đang ở với ông **H**, ly hôn bà **N** đồng ý giao cháu **H1** cho ông **H** được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét cháu **H1** đang ở với ông **H**, do ông **H** chăm sóc nuôi dưỡng ổn định, bà **N** đồng ý giao cháu **H1** cho ông **H** tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu **H1** cho ông **H** được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 80 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà **N** không cấp dưỡng nuôi con chung, ông **H** không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà **N** phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 80; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị N**.

- Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị N** được ly hôn với ông **Hồ Hữu H**.

- Về con chung: Giao con chung tên **Hồ Thị Mỹ H1**, sinh ngày 14/10/2007 cho ông **Hồ Hữu H** được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà **Nguyễn Thị N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông **H** cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở bà **N** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí:

Bà **Nguyễn Thị N** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005690 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***

- TAT An Giang;
- THA huyện Châu Phú;
- VKSND huyện Châu Phú;
- UBND xã Khánh Hoà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Mỹ**